



yīn àn

阴暗

Adjective · Dark / Gloomy

Example Sentences

zhè ge fáng jiān hěn yīn àn
这个房间很阴暗。

This room is very dark.

tā duǒ zài yīn àn de jiǎo luò lǐ kàn shū
他躲在阴暗的角落里看书。

He hides in a dark corner to read a book.

nà ge gù shì miáo shù le rén xìng zhōng yīn àn de yí miàn
那个故事描述了人性中阴暗的一面。

That story describes the dark side of human nature.

Trace each character, then write the word on your own.

阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴	阴		
暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗
暗	暗	暗	暗	暗						